**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 9**

HỌC KÌ 1

**A.TRUYỆN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**Đề 1**: Cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên trong 2 đoạn thơ (4 câu thơ đầu và 6 câu thơ cuối) đoạn trích “Cảnh ngày xuân”

**a.Mở bài**

-Giới thiệu tác giả Nguyễn Du, tác phẩm "Truyện Kiều" và nội dung đoạn trích "Cảnh ngày xuân"

+Nguyễn Du là...

+ Tác phẩm "Truyện Kiều" là....

+ Đoạn trích [***Cảnh ngày xuân***](https://doctailieu.com/canh-ngay-xuan-c4672)***là*** bức tranh thiên nhiên của mùa xuân và lễ hội tảo mộ, du xuân của chị em Kiều.

**b. Thân bài**

**- Bức tranh thiên nhiên của mùa xuân vào lúc sáng sớm**

+  Hai câu đầu: chim én đưa thoi, thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi. Mặc dù đã cuối mùa xuân nhưng vẫn thấy những chú chim én đang bay lượn trên bầu trời, mới đây thôi mà đã bước sang thứ ba rồi, cũng như chỉ thời gian trôi qua nhanh quá,…

+ Hai câu sau: sử dụng hai gam màu xanh và trắng, màu xanh của thảm cỏ non, trắng tinh khôi của hoa lê,… màu xanh bát ngát trải rộng cả vùng trời làm nền để nổi bật màu trắng tinh khôi, trong trẻo của bông hoa lê.

=> Vài nét chấm phá của tác giả làm cho bức tranh thiên nhiên của tác giả sinh động, hấp dẫn hơn,…

**-Bức tranh lúc chiều tà của con người trong lúc trở về**

+ “Tà tà bóng ngả’’ mặt trời đã xuống núi, chỉ còn lại vệt sáng yếu ớt chiếu lên bầu trời.

+ Bước chân thơ thẩn: người ta chỉ dùng từ "thơ thẩn" để chỉ suy nghĩ của con người, nhưng ở đây lại nói bước chân biết thơ thẩn giống như không tự chủ được mà cứ bước đi.

+ “Dòng nước uốn quanh” chỉ sự nhẹ nhàng êm đềm của con suối nhỏ,….

=> Tất cả mọi thứ không còn ồn ào, náo nhiệt như lúc lễ hội mới bắt đầu thay vào đó là một khung cảnh êm đềm, trôi qua nhẹ nhàng,…

**\*Kết bài**

- Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

- Khẳng định được cái tài của Nguyễn Du: Bằng ngòi bút tài hoa Nguyễn Du đã khắc họa thành công bức tranh thiên nhiên ngày xuân

**Đề 2**: Cảm nhận vẻ đẹp của Thúy Kiều qua đoạn thơ:

"Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn:

Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng thành,

Sắc đành đòi một tài đành họa hai.

Thông minh vốn sẵn tính trời,

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

Cung thương làu bậc ngũ âm,

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương.

Khúc nhà tay lựa nên chương,

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân".

**\* Vẻ đẹp của Kiều:**

**- Về nhan sắc:**

"sắc sảo" : về trí tuệ

"mặn mà": về tâm hồn

"càng" : Cho thấy kiều hơn Vân về mọi mặt

"Làn thu thủy " : Mắt trong như nước mùa thu

" Nét xuân sơn" : Lông mày đẹp như dãy núi mùa xuân

" Nghiêng nước, nghiêng thành " : sự say mê của con người (thành ngữ, điển cố )

"Sắc đành đòi một tài đành họa hai" Nghệ thuật ẩn dụ ước lệ tượng trưng => Sắc là nhất , tài may ra có người thứ hai

**- Tài năng của Kiều:**  
Đủ cả cầm , kì ,thi, họa : đàn, chơi cờ, vẽ, làm thơ

Tài đàn là vượt trội, là nghề riêng

Sáng tác bản nhạc : "Bạc mệnh" khiến người nghe não lòng, rơi lệ

Ngôn ngữ: Ước lệ tượng trưng phong phú, tinh tế

Thủ pháp đòn bẩy vẽ lên bức chân dung của Kiều

"Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh" Vẻ đẹp khiến cho thiên nhiên phải ganh ghét,đố kị => Dự báo số phận đầy sóng gió

=> Kiều là cô gái đa sầu, đa cảm. Nàng là tuyệt thế giai nhân, có đầy đủ cả 4 tố chất

**Đề 3: Phân tích vẻ đẹp và số phận bi kịch của Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương”của Nguyễn Dữ**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: nhân vật Vũ Nương người con gái thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp, người vợ hiền con thảo nhưng bị hàm oan phải tự tử để bảo vệ danh tiết.

**b. Thân bài**

**\*Phân tích nhân vật Vũ Nương**

- Hoàn cảnh sống của Vũ Nương

    + Xã hội: chiến tranh phong kiến xảy ra, xã hội trọng nam khinh nữ

    + Gia đình: Hôn nhân không có sự bình đẳng về giai cấp, vợ chồng vì chiến tranh mà phải sống xa nhau, tính cách vợ chồng trái ngược nhau.

- Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp

    + Người con gái thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp

    + Người vợ một mực thủy chung với chồng, thấu hiểu nỗi khổ và nguy hiểm mà chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng

    + Người con dâu hiếu thảo: chăm sóc mẹ chồng như cha mẹ ruột, lo ma chay chu đáo khi mẹ chồng mất

    + Người mẹ thương con hết mực:bù đắp thiếu thốn tinh thần của con bằng cách chỉ vào bóng mình trên tường giả làm cha đứa bé

    + Người phụ nữ trọng nhân phẩm tình nghĩa

- Số phận của nàng bất hạnh, hẩm hiu

    + Chồng đi lính, một mình phải gánh vác công việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già

    + Bị chồng nghi oan tấm lòng chung thủy, mắng nhiếc, đánh đuổi một cách phũ phàng

    + Dù ở thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về được

Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật, khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại... kết hợp với yếu tố kì ảo có thực

**\*Ý nghĩa nhân đạo của tác phẩm**

- Thể hiện niềm thương cảm với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

- Khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ: hiếu thảo, son sắt, nhân hậu...

- Lên án, tố cáo chiến tranh phi nghĩa, phê phán nhiều thói xấu trong xã hội như thói gia trưởng, thô bạo, bất bình đẳng giới... luôn chà đạp, vùi dập người phụ nữ

**c. Kết bài**

- Tác giả Nguyễn Dữ với bút pháp miêu tả nhân vật sinh động, ***Chuyện người con gái Nam Xương*** khắc họa được nhân cách cao đẹp và số phận bi thảm của người phụ nữ tài sắc vẹn toàn

- Truyền kì mạn lục trở thành áng thiên cổ kì bút trong nền văn học trung đại Việt Nam khi góp tiếng nói nhân đạo chủ nghĩa sâu sắc.

**Đề 4:Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” thể hiện được nỗi buồn cô đơn, tủi hờn và tấm lòng thủy chung nhân hậu của Kiều danh cho cha mẹ và Kim Trọng. Trong đoạn trích này khi khắc họa tâm trạng của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã thể hiện tài năng miêu tả đầy tài tình. Em hãy** [***phân tích cái hay đoạn thơ nói về tâm trạng Thúy Kiều ở Lầu Ngưng Bích***](https://www.vanmaulop9.com/phan-tich-nghe-thuat-mieu-ta-tam-trang-thuy-kieu-trong-doan-trich-kieu-o-lau-ngung-bich/)**.**

Có thể nói đoạn trích  **Kiều ở Lầu Ngưng Bích** là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Với bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc, tác giả Nguyễn Du đã miêu tả tâm trạng của Kiều rất xuất sắc. Đoạn thơ thể hiện được nỗi buồn cô đơn, tủi hờn và tấm lòng thủy chung nhân hậu của Kiều danh cho cha mẹ và Kim Trọng.

Trong sáu câu thơ đầu là khung cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích hoang vắng, bao la đến rợn ngợp. Ngồi trên lầu cao sẽ thấy phía trước là núi non trùng điệp, ở trên đầu là vầng trăng sáng như sắp chạm đầu, ở dưới lại là những đoạn cát vàng trải dài vô tận, lác đác như bụi hồng nhỏ bé. Tất cả đã tô đậm nên cuộc sống cô đơn, lẻ loi của Kiều:

“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân…

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia…

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”

Giữa một không gian mênh mông trải dài rộng ra trước mắt, Thúy Kiều không khỏi xót xa, đau đớn. Chữ “bẽ bàng” đã lột tả được tâm trạng của Kiều khi ấy: vừa chán ngán, buồn tủi về số phận, vừa xấu hổ trước mây sớm đèn khuya. Cảnh vật ở lầu như cũng chia sẻ và đồng cảm với nàng bức tranh thiên nhiên như có hồn, là tâm cảnh của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích. Nỗi nhớ cha mẹ và người yêu của Kiều được tác giả miêu tả rất xúc động bằng những lời độc thoại nội tâm của nhân vật, bốn câu nhớ về người yêu, bốn câu nhớ về cha mẹ, nỗi nhớ chàng Kim được nói đến trước bởi đây là nỗi nhớ nồng nàn và sâu thẳm nhất:

“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng…

Tấm thân gột rửa bao giờ cho phai.”

Sự thổn thức của một trái tim yêu đương đang chảy máu, nỗi nhớ ấy thật tha thiết và mãnh liệt. Ngày nào nàng còn cùng chàng Kim nặng lời ước hẹn trăm năm, bỗng dưng lại trở thành kẻ phụ bạc, lỗi hẹn với chàng. Kiều nuối tiếc về mối tình đầu trong trắng của mình, thấm thía cảnh cô đơn và nang hiểu hơn ai hết sẽ không bao giờ gột rửa được tấm lòng son sắt, thủy chung mà nàng dành cho Kim Trọng. Tiếp theo, Kiều đau lòng khi nghĩ tới cảnh cha mẹ già tựa cửa trông con, nàng băn khoăn, trăn trở, nghĩ đến bổn phận làm con của mình.

Trong hoàn cảnh đó, những suy nghĩ và tâm trạng của Kiều đã chứng tỏ nàng là một người con rất mực hiếu thảo.

“Buồn trông cửa bể chiều hôm,....

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

Hình như Kiều đang mong ngóng cánh buồm, nhưng cánh buồm chỉ xa xa, không rõ, như một ước vọng mơ hồ, càng lúc càng xa. Rồi nàng trông ngọn nước mới từ cửa sông chảy ra biển, ngọn sóng xô cánh hoa phiêu bạt như thân phận của mình không biết đi đâu về đâu. Cuối cùng, nỗi buồn ấy dội lên kinh hoàng khi ầm ầm sóng kêu quanh ghế ngồi, hình ảnh đó vừa thực vừa ảo, sóng vỗ dưới chân như đầy hiểm họa và muốn nhấn chìm Kiều xuống vực.

Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích là một bức tranh thiên nhiên cũng là một bức tranh tâm trạng. Thiên nhiên thay đổi theo diễn biến tâm trạng của con người, tác giả Nguyễn Du đã thực sự hiểu được nỗi lòng Kiều, để rồi ca ngợi tấm lòng cao đẹp của Kiều, giúp người đọc hiểu thêm về tâm hồn của những người phụ nữ tài sắc mà bạc mệnh

**B.THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**:

**Đề 1:**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!*

(“ Bếp lửa” – Bằng Việt)

**Cảm nhận**:Từ nỗi nhớ về những kỉ niệm trong quãng đời ấu thơ bên bà và bếp lửa nơi quê nhà, người cháu đã bộc lộ sự xúc động, sự suy ngẫm sâu lắng về người bà tảo tần, vất vả, lặng thầm hi sinh, yêu thương, chăm lo, dạy giỗ cháu nên người. (Điều đó được thể hiện qua từ láy “lận đận”, qua hình ảnh ẩn dụ “ biết mấy nắng mưa”, qua biện pháp điệp ngữ: động từ “ nhóm” được lặp lại ở đầu bốn dòng thơ liên tiếp kết hợp biện pháp liệt kê; bếp lửa ấp iu nồng đượm, niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới sẻ chung vui, những tâm tình tuổi nhỏ; qua câu cảm thán bộc lộ trực tiếp cảm xúc: ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!).

- Đoạn thơ đã bộc lộ sâu sắc tấm lòng biết ơn, trân trọng, yêu quý của cháu đối với bà. Cháu thấu hiểu sự vất vả, nhọc nhằn, sự hi sinh của bà suốt cả cuộc đời vì con, vì cháu, vì đất nước.

- Tình bà cháu thiêng liêng, sâu nặng, cảm động gợi lên trong lòng người đọc bao xúc động, suy nghĩ, bồi đắp trong ta những tình cảm tốt đẹp. Ta biết yêu quý, trân trọng hơn những người thân đã giành cho ta những tình cảm tốt đẹp. Ta thấu hiểu, thấm thía sự hi sinh thầm lặng… Ta biết yêu gia đình, đất nước, nguồn cội, sống ân nghĩa, thuyyr chung…

- Phải thấu hiểu, thấm thía, yêu quý, trân trọng, biết ơn người bà nhà thơ Bằng Việt mới viết được những vần thơ chân thành, ấm áp, nồng hậu đến vậy.

**Đề 2:** *…"Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*có cái gì rưng rưng*

*như là đồng là bể*

*như là sông là rừng.*

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc,*

*đủ cho ta giật mình".*

*(Ánh trăng -* Nguyễn Duy *-Ngữ Văn 9, Tập 1 -NXB GD))*

Cảm nhận của em về đoạn thơ trên.

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vị trí đánh giá đoạn thơ.

- Cảm nhận về vẻ đẹp của vầng trăng:

+ Trăng vẫn tươi sáng, hồn nhiên vô tư (như đồng, sông bể, rừng); vẫn thủy chung vẹn nguyên với người chẳng thể phai mờ (cứ tròn vành vạnh)...

+ Trăng như một người bạn nghiêm khắc mà nghĩa tình (ánh trăng im phăng phắc)

- Cảm nhận về hình ảnh con người: hối cải, nhận ra cái vô tình, bạc bẽo của mình với vầng trăng, với thiên nhiên quá khứ nghĩa tình (rưng rưng, kể chi người vô tình…, đủ cho ta giật mình...).

- Suy nghĩ về đạo lí uống nước nhớ nguồn, liên hệ bản thân…

- Đánh giá : thể thơ năm chữ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu tính triết lí, ý nghĩa hàm súc, ẩn dụ kết hợp nhân hóa qua hình ảnh vầng trăng, đặc biệt, cách dùng từ "ánh trăng" có ý nghĩa chiếu tỏa thể hiện tài năng dùng từ của tác giả ...Đoạn thơ đã làm nổi bật tình yêu thiên nhiên và sâu sắc hơn là lẽ sống cao đẹp, lòng ân nghĩa thủy chung son sắt với gia đình, quê hương, quá khứ, cội nguồn, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm…của tác giả.

**Đề 3:**

Vẻ đẹp nhân vật anh thanh niên trong ” Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

a.Mở bài

-Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa

-Dẫn dắt vấn đề nghị luận: phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn để thấy được phong cách sống đáng quý, cũng như tinh thần cống hiến lặng lẽ âm thầm

b.Thân bài

-Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên:

+ Làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m, quanh năm sống với hoa cỏ

+ Công việc của anh: đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc dự báo trước hằng ngày, phục vụ sản xuất và chiến đấu

+ Công việc đòi hỏi tỉ mỉ, chính xác cũng như tinh thần trách nhiệm cao ( nửa đêm đi ốp dù trời mưa tuyết, giá lạnh )

+Điều gian khổ nhất chính là vượt qua nỗi cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ sống trên đỉnh núi một mình

\*Những nét đẹp trong cách sống, suy nghĩ, hành động và quan hệ tình cảm với mọi người

***- Vượt lên hoàn cảnh sống khắc nghiệt, anh có suy nghĩ rất đẹp:***

+ Với công việc khắc nghiệt gian khổ, anh luôn yêu và mong muốn được làm việc ở điều kiện lý tưởng ( đỉnh cao 3000 m)

+ Anh có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao lại gọi là một mình được”

+ Anh thấu hiểu nỗi vất vả của đồng nghiệp

+ Quan niệm về hạnh phúc của anh thật đơn giản và tốt đẹp

***- Hành động, việc làm đẹp***

+ Mặc dù chỉ có một mình không ai giám sát nhưng anh luôn tự giác hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao ( nửa đêm đúng giờ ốp dù mưa gió thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc một cách đều đặn và chính xác 4 lần trong một ngày)

- Anh thanh niên có phong cách sống cao đẹp

+ Anh có nếp sống đẹp khi tự sắp xếp công việc, cuộc sống của mình ở trạm một cách ngăn nắp: có vườn rau xanh, có đàn gà đẻ trứng, có vườn hoa rực

+ Đó là sự cởi mở chân thành với khách, quý trọng tình cảm của mọi người

+ Anh còn là người khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc của mình có những đóng góp chỉ là nhỏ bé

→ Chỉ bằng những chi tiết và chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc của truyện, tác giả phác họa dược chân dung nhân vật chính với vẻ đẹp tinh thần, tình cảm, cách sống, và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc

**c.Kết bài**

- Nêu cảm nhận hình tượng anh thanh niên: Hình tượng nhân vật anh thanh niên miệt mài, hăng say lao động vì lợi ích đất nước, có sức lan tỏa tới những người xung quanh.

- Tác giả rất thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật anh thanh niên cùng những người đồng nghiệp thầm lặng cống hiến sức trẻ, thanh xuân cho đất nước, dân tộc.

- Nhắc nhở thế hệ trẻ lòng biết ơn, trách nhiệm với vận mệnh quốc gia.

***Đề 4:***  Cảm nhận đoạn truyện:

*“Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu … Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:*

*- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.*

*Ông lão bổng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!...*

*Nhưng sao lại nãy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thực là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước… Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...”*

**Gợi ý:**

-Về mặt nội dung: Những diễn biến tâm trạng đau đớn, tủi nhục, mâu thuẩn, bế tắc của nhân vật ông Hai khi ngỡ rằng làng Chợ Dầu của mình đã theo giặc, từ đó thấy được tình yêu vô cùng sâu nặng của con người này đối với làng.

- Về mặt nghệ thuật: Thấy được nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật tài tình thể hiện sự am hiểu sâu sắc của nhà văn Kim Lân đối với hình ảnh người nông dân, việc vận dụng các lời thoại gồm độc thoại và độc thoại nội tâm rất nhuần nhuyễn góp phần tạo nên sức hấp dẫn trong cách kể chuyện.

**Đề 5:Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đoạn trích sau.**  
       *Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.  
       Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một dòng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám - năm đó ta chưa võ trang - trong một trận càn lớn của quân Mĩ - ngụy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi rồi nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả tại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mẳt của anh.  
       -Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.  
       Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.*  
          *(*Trích *Chiếc lược ngà. Nguyễn Quang Sáng.* Ngữ văn 9. Tập một*)*

*\*Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con.*

- Đất nước có chiến tranh, ông Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu không một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con.

- Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc. Tuy nhiên, khi ông vì vết thẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đứa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến khi con gái nhận ra thì cũng là lúc ông phải trở lại chiến trường. Lúc chia tay, ông đã cố nén giọt nước mắt vì cách bộc lộ, tình cảm của con đối với mình khiến ông quá xúc động. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã tới nhưng quá ngắn ngủi vì đã đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là cây lược nhỏ.

***\* Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích - vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng.***  
- Luôn ghi nhớ như in lời con dặn vội vàng lúc chia tay “Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!”. Điều đó thúc giục ông đến việc làm một chiếc lược ngà. Và ông Sáu đã dồn tất cả tình yêu, nỗi nhớ con vào việc làm cây lược ấy. “Lúc rảnh rỗi anh ngồi cưa từng chiếc răng lược cho đến khi hoàn thành, những đêm nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía ”.  
- Chiếc lược trở thành một vật quý giá, nó làm vơi đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm nhớ thương, yêu mến của người cha đối với đứa con trong xa cách. Chiếc lược ngà trở thành một kỉ vật thiêng liêng, nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu cho người chiến sĩ trong những ngày gian khổ.  
- Bị thương nặng, chỉ đến khi gửi lại chiếc lược ngà lại cho bạn với lời nhắn nhủ sẽ trao tận tay bé Thu, ông mới yên lòng nhắm mắt.  
- Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp gửi món quà cho con gái. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không gì bù đắp nổi. Tuy không một lời trăng trối nhưng hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng chí của ông - người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha con đời đời.

***\*Vẻ đẹp về hình thức nghệ thuật.***  
- Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông Sáu, người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Đoạn văn vì thế trở nên khách quan, chân thành.  
- Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người.  
- Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến tranh.

***\*Đánh giá chung.***  
- Cảm nhận khái quát về đoạn văn, liên hệ bản thân.

**Đề 6: Cảm nhận đoạn thơ**

**Ta hát bài ca gọi cá vào**

**………………………….**

***Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.”***

**Gợi ý:**

-Trong đêm tối mặt biển bỗng trở nên nhộn nhịp bởi tiếng hát của những người ngư dân cất lên. Câu hát hòa cùng với làn gió mát của biển khơi thổi căng cánh buồm để đưa con thuyền ra khơi nhanh hơn. Bút pháp khoa trương “Câu hát căng buồm” tác giả muốn nói tới sức mạnh của những con người lao động. Câu hát hòa cùng với gió khơi là muốn nói đến sự hòa hợp giữa thiên nhiên với con người. Thiên nhiên đang góp sức ủng hộ con người. Câu hát thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời, niềm vui lao động, sôi nổi hào hứng trong niềm khí thế cùng với buổi đầu ra khơi trong niềm tin vào một chuyến ra khơi thành công, tốt đẹp:  
*“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng  
……………………..  
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”*

-Trong câu hát của những người ngư dân có gọi tên các loài cá: cá bạc, cá thu… Phép tu từ so sánh “Cá thu như đoàn thoi” vừa gợi về hình ảnh sống động vừa là lời ca ngợi nguồn tài nguyên phong phú ở vùng biển tỉnh Quảng Ninh. Với trí tưởng tượng độc đáo kết hợp với ngòi bút vừa hiện thực vừa lãng mạn để rồi đôi mắt của nhà thơ như đang được ngắm nhìn đoàn cá thu như những chiếc thoi đưa dệt nên những tấm vải lớn lấp lánh muôn màu sắc. “Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi” câu thơ như lời mời gọi đoàn cá vào lưới. Câu hát của những người ngư dân không chỉ thổi căng cánh buồm vừa thể hiện sức mạnh, vừa thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời. Câu hát ấy không chỉ ngợi ca về vùng biển giàu có nước ta mà nó còn hữu ích trong công việc đánh bắt cá. Nó đã trở thành bài ca trong lao động.

-Với trí tưởng tượng phong phú cùng với ngòi bút thơ đầy lãng mạn bay bổng nhà thơ đã đưa người đọc đến hình ảnh thật là đẹp:  
*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng  
Ra đậu dặm xa dò bụng biển  
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.”*

Đoàn thuyền đánh cá ra khơi có gió làm bánh lái vầng trăng khuyết trên trời cao đã trở thành cánh buồm. Gió và trăng đã trở thành hai bộ phận của con thuyền giúp sức cùng ngư dân đưa đoàn thuyền ra khơi. Sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên. Trước mắt nhà thơ đoàn thuyền đánh cá giống như những con thuyền thơ lướt nhẹ trên mặt biển và in đầy trăng sao. Và giờ đây đoàn thuyền ấy cùng với những người ngư dân đang“Ra đậu dặm xa dò bụng biển”. Những người ngư dân của thời đại mới thực sự làm chủ biển khơi, làm chủ cuộc đời, trang bị phương tiện tiên tiến, hiện đại, những con người ra khơi để thăm dò “bụng biển” đánh bắt tài nguyên đem về xây dựng đất nước. Bằng trí tưởng tượng kết hợp cách nói khoa trương gợi ra trước mắt người đọc hình ảnh đoàn thuyền đánh cá đang “Dàn đan thế trận lưới vây giăng.” Những con thuyền to lớn, tư thế hùng dũng, hiên ngang, giống như những thuyền chiến còn con người đang thả lưới vây giăng chuẩn bị bước vào trận chiến đấu mới trên mặt trận lao động. Nhà thơ đã nâng tầm vóc con người lên sánh ngang cùng biển rộng vũ trụ.

# Đề 7: Cảm nhận vẻ đẹp của tình đồng chí đồng đội trong bài thơ "Đồng chí" - Chính Hữu

Chính Hữu là người lính và cũng là nhà thơ của lính. Thơ ông không nhiều song ấn tượng bởi lời thơ hàm súc, ngôn ngữ, hình ảnh chân thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng. "Đồng chí" là tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ. Bài thơ đã làm nổi bật vẻ đẹp của tình đồng chí của những người lính cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ "Đồng chí" được Chính Hữu viết năm 1948 trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp gian khổ, khó khăn. Sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947, Chính Hữu bị ốm nặng phải nằm lại tại một trạm quân y, đơn vị đã cử người ở lại chăm sóc. Cảm động trước tấm lòng tình cảm của người đồng đội, Chính Hữu đã viết lên bài thơ. Bài thơ đã khắc họa hình tượng người lính cách mạng từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của tình đồng chí đồng đội keo sơn, gắn bó của họ.

Trước hết vẻ đẹp của tình đồng chí được thể hiện ở cơ sở hình thành lên tình đồng chí. Cơ sở đầu tiên hình thành nên tình đồng chí là cùng chung cảnh ngộ xuất thân - đều là những người nông dân mặc áo lính:

 "Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"

 Lời thơ tự nhiên như lời kể của người lính về quê hương: anh đi lên từ vùng đồng bằng chiêm trũng "nước mặn đồng chua",  tôi đi ra từ vùng "đất cày lên sỏi đá"- vùng trung du miền núi. Quê anh, làng tôi - hai vùng quê cách xa nhau nhưng đều chung nhau cái nghèo khó, lam lũ. Việc sử dụng sáng tạo những thành ngữ tục ngữ đã tạo cho lời thơ mộc mạc tự nhiên như tâm hồn người trai cày nói về quê hương mình. Như vậy, những người lính đều ra đi từ những làng quê nghèo khó, họ đều là những người nông dân mặc áo lính. Chính sự đồng cảnh, đồng giai cấp đã tạo cơ sở ban đầu vững chắc để hình thành lên tình đồng chí.

Cơ sở thứ hai hình thành lên tình đồng chí là cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng. Anh với tôi từ bốn phương trời xa lạ chẳng hẹn mà cùng tụ hội về đây trong quân ngũ của lá cờ cách mạng bởi: "Súng bên súng đầu sát bên đầu". Câu thơ có hình ảnh chân thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng: "súng bên súng" là cùng chung nhiệm vụ cầm súng chiến đấu. "Đầu sát bên đầu" là cùng chung chí hướng, lý tưởng ra đi theo tiếng gọi của Tổ quốc quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc. Cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng đã gắn kết anh tôi với nhau.

Tình đồng chí còn được hình thành từ sự chia sẻ gắn bó trong gian khổ khó khăn:

"Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ"

Câu thơ đầy ắp kỷ niệm của một thời gian khổ khó khăn: những đêm đông lạnh giá chăn không đủ đắp, họ phải chung nhau mảnh chăn mỏng. Tấm chăn sui khép lại đêm đông lạnh giá nhưng mở ra sự gắn bó hiểu nhau như tri kỷ. Cấu trúc anh tôi sống đôi khi ở hai câu thơ khi gộp làm một đã diễn tả quá trình từ xa lạ, quen nhau rồi thành tri kỉ và kết thành: "Đồng chí". Câu thơ thứ bảy chỉ với hai tiếng và dấu chấm than vang lên như một nốt nhấn thể hiện sự phát hiện về một thứ tình cảm bình dị mà thiêng liêng, mới mẻ của những người lính cách mạng: đồng chí. Câu thơ như bản lề của bài thơ vừa khái quát cảm xúc ở sáu câu thơ đầu, vừa mở ra những biểu hiện ở những dòng thơ tiếp theo. Đồng thời làm nổi bật một quy luật tất yếu: cùng chung cảnh ngộ xuất thân, cùng nhiệm vụ lý tưởng, cùng chia sẻ gắn bó thì sẽ trở thành đồng chí của nhau.

Vẻ đẹp của tình đồng chí còn được thể hiện ở những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí. Biểu hiện đầu tiên của tình đồng chí là họ thấu hiểu tâm tư, nỗi lòng của nhau:

" Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đã nhờ người ra lính."

Những người lính ra đi để lại sau lưng tất cả những gì thân thuộc nhất: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa. Từ "mặc kệ" đã thể hiện thái độ dứt khoát quyết chí ra đi vì nghĩa lớn. Mặc kệ mà không hề dửng dưng vô tình: họ ra đi nhưng từ trong sâu thẳm người lính vẫn nhớ về quê hương, họ vẫn biết nơi quê nhà ruộng nương vẫn chờ tay người cày xới, gian nhà lung lay trong gió chờ người sửa sang, nơi giếng nước gốc đa có ánh mắt người thân trông ngóng. Đặc biệt hình ảnh nhân hóa ẩn dụ "Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính" đã thể hiện quê hương vẫn  nhớ người trai cài ra trận hay người ra trận vẫn nhớ về quê hương. Nỗi nhớ hai chiều càng trở nên da diết. Trong đoạn thơ cấu trúc "anh- tôi" sóng đôi giờ chỉ còn lại anh: nỗi nhớ quê hương trong lòng anh được tôi nói hộ. Tôi nói cho anh hay đó cũng chính là nỗi nhớ quê hương của tôi. Những người lính họ thấu hiểu tâm tư nỗi lòng của nhau.

Tình đồng chí còn được thể hiện ở sự chia sẻ gắn bó trong gian khổ khó khăn của cuộc đời người lính. Anh với tôi cũng chịu những cơn sốt rét từng hành hạ:

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi."

 Cơn sốt rét từng đã trở thành căn bệnh phổ biến với những người lính trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp ăn uống kham khổ, thiếu thốn thuốc men. Chính Hữu đã gợi tả một cách chân thực: "biết ớn lạnh", "sốt run người vừng trán ướt mồ hôi". Anh với tôi cùng chịu cảnh thiếu thốn:

"Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Chân không giày"

Chính Hữu đã đưa vào trong lời thơ những hình ảnh chân thực về cuộc sống chiến đấu của người lính Cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp thiếu thốn đủ bề từ lương thực đến tư trang. Để từ đó người đọc có cái nhìn sâu sắc hơn về anh bộ đội. Cấu trúc "anh -  tôi" lại sóng đôi như khẳng định trong gian khổ khó khăn đều có anh có tôi cùng chia sẻ gắn bó.

Trong gian khổ khó khăn người lính cách mạng hiện lên vẫn hiên ngang, lạc quan. Trong gian khổ khó khăn họ vẫn nở nụ cười - nụ cười lạc quan ấm áp xua tan cái giá buốt. Đặc biệt là hình ảnh "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" rất tự nhiên, chân thực nhưng đã thể hiện sâu sắc cảm động tình đồng chí của người lính cách mạng. Họ nắm lấy tay nhau như để động viên nhau, như để truyền cho nhau hơi ấm sức mạnh của tình đồng chí để cùng nhau chắc tay súng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Phải chăng tình đồng chí vừa là vẻ đẹp vừa là cội nguồn sức mạnh của người lính cách mạng?

Không những thế vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ còn được thể hiện ở biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí. Với bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn ba câu thơ cuối đã gợi lên bức tranh cảnh đường đêm khuya thật đẹp:

"Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới"

 Trên nền hiện thực khắc nghiệt: đêm khuya, nơi "rừng hoang sương muối" giá buốt, người lính hiện lên với tư thế chủ động hiên ngang "đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới". Chính tư thế thành đồng vách sắt ấy đã làm lu mờ đi mọi gian khổ khó khăn. Phải chăng chính tình đồng chí đã làm lên vẻ đẹp ấy của người lính? Hình ảnh người lính được kết đọng lại qua chi tiết bất ngờ, độc đáo:

" Đầu súng trăng treo"

"Đầu súng trăng treo" được Chính Hữu nhận ra từ chính những đêm hành quân phục kích chờ giặc của mình và đồng đội. Giữa mênh mông bát ngát của rừng khuya, người lính chắc tay súng canh gác, mũi súng hướng lên trời. Trăng lơ lửng giữa không trung, càng về khuya trăng xuống thấp dần, đến một mức độ nào đó nhìn lên trăng như treo trên đầu ngọn súng. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" còn gợi bao liên tưởng thú vị cho người đọc: "súng" là biểu tượng của chiến tranh, của hiện thực, của chất chiến sĩ; "trăng" là biểu tượng của hòa bình, của lãng mạn, của chất thi sĩ. Sự kết hợp của hai hình ảnh tưởng chừng như đối lập nhau mà lại hỏi hòa bổ sung cho nhau để cùng nói về các mặt của người lính và tình đồng chí: vừa chiến sĩ mà lại rất thi sĩ, vừa hiện thực mà lại lãng mạn. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" còn nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc kháng chiến: người lính cầm súng chiến đấu bảo vệ hòa bình cho quê hương, đất nước. Nhịp thơ 2/2 như gợi nhịp lắc của cái gì lơ lửng chung chiêng giữa bát ngát mênh mông chứ không thể buộc chặt. Giữa hiện thực khắc nghiệt nhưng tâm hồn người lính vẫn lãng mạn, bay bổng bởi trong lòng họ có tình đồng chí ấm áp. Chính vì vậy "Đầu súng trăng treo" đã trở thành biểu tượng của người lính cách mạng trong văn học kháng chiến và được Chính Hữu chọn làm nhan đề cho tập thơ nổi tiếng của ông.

Bài thơ đã làm nổi bật vẻ đẹp tình đồng chí qua những nét nghệ thuật đặc sắc. Đó là thể thơ tự do phù hợp với cảm xúc tự nhiên dồn nén của bài  thơ. Ngôn ngữ hình ảnh chân thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng. Cấu trúc "anh- tôi" sóng đôi đã góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề tác phẩm. Bài thơ còn sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ,... Với những nét đặc sắc nghệ thuật ấy, bài thơ đã ca ngợi tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó của người lính cách mạng trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Bài thơ đã thể hiện sự gắn bó, am hiểu sâu sắc và tấm lòng trân trọng yêu thương đồng đội của nhà thơ. Cùng với các tác phẩm khác như "Tây Tiến" của Quang Dũng, "Nhớ" của Hồng Nguyên,... "Đồng Chí" của Chính Hữu đã góp phần làm phong phú hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ trong thơ ca hiện đại. Bài thơ đã mở ra một hướng đi mới cho văn học kháng chiến viết về người lính cách mạng: cảm hứng thơ đi lên từ hiện thực đời thường mà vẫn dạt dào lãng mạn.

Với bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn, ngôn ngữ, hình ảnh chân thực giàu sức gợi, bài thơ đã làm nổi bật vẻ đẹp của tình đồng chí của những người lính cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Bài thơ đã đem đến cho người đọc cảm nhận chân thực về người lính cách mạng trong những năm kháng chiến chống Pháp. Chính vì vậy bài thơ có sức sống mãi trong lòng người đọc.

**Đề 8: Hình tượng người chiến sĩ lái xe trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.**

*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai.*

Đó là ý chí của những chiến sĩ Trường Sơn. Các anh hiện lên trên trang thơ thật dí dỏm, thật yêu đời. Khi gian khổ tưởng chừng không thể nào vượt qua được, khi cái chết tới gần. Vậy mà nụ cười lạc quan vẫn hiện hữu trên khuôn mặt các anh, nụ cười ấy rất ngang tàng và cũng đầy tinh nghịch. Nhắc tới họ, ta không thể quên người chiến sĩ lái xe không kính trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật, Không biết nhà thơ dã bao nhiêu lần trực tiếp lái chiếc xe như thế mà ông lại viết ra được những dòng thơ hết sức chân thực và sống động đến vậy:

*Không kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

Đó là lời giới thiệu của các anh, hết sức giản dị, rất thật. Trên chiếc xe không có kính đó người lính lái xe ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng khốc liệt. Bom giật bom rung họ vẫn vững tay lái, nhấn ga cho xe băng băng lao ra chiến trận.

Chúng ta hãy lắng nghe các anh kết chuyện về mình với giọng điệu thật vui vẻ và hài hước:

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

Ung dung được đảo lêu đầu câu để nhấn mạnh tư thế bình tĩnh, đường hoàng, hiên ngang, tự tin khi họ phải lái một chiếc xe không kính. Nhìn thẳng là nhìn vào gian khổ, hi sinh không run sợ, không né tránh bởi họ chiến đấu vì chính nghĩa. Lái xe không kính, là gặp phải khó khăn nhưng những khó khăn lại thật bất ngờ:

*...     Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

Những câu thơ rất thực, thực đến từng chi tiết. Xe không có kính chắn gió lại chạy với tốc độ cao nên người lính lái xe phải đối mặt với bao nguy hiểm: gió xoa mắt đắng, con đường ngược lại chạy thẳng vào tim, sao trên trời, chim dưới đất bất ngờ như sa, như ùa, như rơi, rung, quăng, ném vào buồng lái. Những câu thơ chân thực, sống động, đầy ấn tượng như chính nhà thơ đang cầm vô lăng mà lái.

Bao khó khăn thử thách nhưng người lính lái xe vẫn không run sợ, hoảng hốt. Trái lại, tư thế của các anh rất hiên ngang, ung dung tự tại, tinh thần của các anh vẫn vững vàng. Bởi các anh vẫn quyết tâm vượt qua gian khổ, để hoàn thành nhiệm vụ lớn lao.

*Không có kính, ừ thì có bụi*

*................................................*

*Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.*

Nhà thơ lại tiếp tực khắc họa những khó khăn, gian khổ của những người lính lái xe. Những câu thơ như những lời nói thường ngày, không gắn liền với những tiếng nói bỗ bã, đầy chất lính ngang tàng song cũng rất đáng yêu như bật lên từ tình cảm thực của những người lính lái xe. Khó khăn là thế, và vẫn chấp nhận là tất yếu: ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo nhưng cũng với thái độ rất thản nhiên

*Chưa cần rửa  phì phèo châm điếu thuốc*

*...Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa*

*Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.*

Sự bình thản của những người lính lái xe đến vô tư. Câu thơ cân đối, nhịp nhàng theo độ rung của bánh xe lăn, các thanh bằng, trắc phối hợp linh hoạt, giọng thơ pha chút ngang tàng thường thấy ở người lái xe.

Hai khổ thơ làm toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe: dũng cảm, hiên ngang, phớt đời, bất chấp hiểm nguy trước biết bao thử thách. Họ đạp bằng gian khó tiến về phía trước với một quyết tâm: giải phóng miền Nam. Đúng là chiến tranh ác liệt có thể tàn phá những phương tiện kĩ thuật vật chất nhưng không thể đè bẹp được sức mạnh tinh thần của con người. Trái lại, aó chỉ càng làm nổi rõ thêm tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, ý chí quyết tâm chiến đấu để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của họ mà thôi:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*...     Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.*

Trong hoàn cảnh ác liệt, những người lính lái xe có cùng một mục đích, cùng chung lí tưởng nên ở họ đã hình thành nên tình cảm đồng chí, đồng đội tốt đẹp, ấm cúng như trong một gia đình:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bút đĩa nghĩa là gia đình đấy*

Hình ảnh những chiếc xe từ trong bom rơi đã gợi lên ý nghĩa về người lính lái xe gan góc vượt qua gian nan thử thách. Khi gặp nhau tình cảm giao lưu cua họ thật là đặc biệt:

*...Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi*

để rồi:

*Lại đi, lại đi trời thêm xanh.*

Câu thơ có một cái gì đó thật lãng mạn và lạc quan:

*Không có kính, rồi xe không có đèn,*

*...Chỉ cần trong xe có một trái tỉm.*

Xe bị bom đạn Mĩ làm cho biến dạng đến trơ trụi: không kính, không đèn, không mui... nhưng đoàn xe vẫn cứ chạy vì một mục đích cao cả: vì miền Nam ruột thịt, vì thống nhất nước nhà. Thì ra mọi cội nguồn tạo ra sức mạnh của đoàn xe được tích tụ lại ở trái tim gan góc, kiên cường giàu bán lĩnh nhưng chan chứa tình yêu thương ở người cầm lái. Chính tình yêu Tổ quôc, tình thương đồng bào đã khích lệ, động viên người lính láixe đạp bằng giankhó, lạc quan, bình tĩnh, nắm chắc vô lăng, nhìn thật đúng hướng để đưa đoàn xe tới đích. Khổ thơ cho ta thấy chân lí của cuộc đời: sức mạnh không chỉ là vũ khí, là vậ chất mà chính là con người. Con người mang trái tim nồng cháy, yêu thương, có ý chí kiên cường chiến đấu là con người chiến thắng:

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Câu thơ làm toả sáng hình tượng người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn, là linh hồn của cả bài thơ.

Bài thơ đã khắc hoạ hình tượng người chiến sĩ lái xe thật đẹp, thật dí dỏm, thật lính. Đó là hình ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ một thế hệ anh hùng, sống đẹp và giàu lí tưởng. Họ sẵn sáng làm bất cứ việc gì, đi bất cứ đâu mà Tổ quốc cần, trong gian khổ vẫn giữ vững một niềm tin, một niềm lạc quan tin tưởng vào chiến thắng. Đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời đại Hồ Chí Minh

**HỌC KÌ 2**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**A.Văn bản Bàn về đọc sách** (Chu Quang Tiềm)

**1. Tác giả**: *Chu Quang Tiềm* (1897-19860) - nhà mĩ học và lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc.

**2. Tác phẩm**: *Bàn về đọc sách* trích trong *Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách.*

- Phương thức biểu đạt: Văn nghị luận

**1. Nội dung:**  Bài viết của tác giả đã nêu ra những ý kiến xác đáng về việc chọn sách và đọc sách, phương pháp đọc sách hiệu quả trong thời đại ngày nay.

**2. Nghệ thuật**:

- Bố cục chặt chẽ, hợp lý.

- Dẫn chứng tự nhiên, xác đáng bằng giọng chuyện trò, tâm tình của một học giả có uy tín đã làm tăng tính thuyết phục của văn bản.

- Lựa chọn ngôn ngữ giàu hình ảnh với những cách ví von cụ thể và thú vị . . .

**3. Ý nghĩa**: Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách và cách lựa chọn sách, cách đọc sách sao cho hiệu quả.

**\* LUYỆN TẬP:**

**Đề 1 :**

*Vấn đề nghị luận của bài viết này là gì ? Hãy tóm tắt các luận điểm của tác giả khi triển khai vấn đề ấy ?*

**Gợi ý :**

- Vấn đề nghị luận : Bàn về đọc sách

- Luận điểm :

+ Tầm quan trọng, ý nghĩa cần thiết của việc đọc sách

-> Sách có ý nghĩa quan trọng trên con đường phát triển của nhân loại

-> Đọc sách là một con đường tích luỹ, nâng cao vốn tri thức.

+ Nêu các khó khăn, các thiên hướng sai lạc dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình hình hiện nay

-> Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu.

-> Sách nhiều dễ khiến ngược đọc lạc hướng

+ Bàn về phương pháp đọc sách

-> Cách chọn sách

-> Cách đọc sách

**Đề 2 :**

*Tóm tắt nội dung chính bài viết “Bàn về đọc sách” của Chu Quang Tiềm trong khoảng 2 đến 3 câu ?*

**Gợi ý :**

Bài viết nêu tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách, các khó khăn nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình hình hiện nay. Từ đó đưa ra cách lựa chọn sách cần đọc và cách đọc như thế nào cho hiệu quả.

**Lưu ý: Dạng đề 5 hoặc 7 điểm**

**Đề 1 :**

*Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm, em thấy sách có tầm quan trọng như thế nào ? Việc đọc sách có ý nghĩa gì ?*

**Gợi ý** : Học sinh phát biểu nhận thức của mình về ý nghĩa của việc đọc sách trên con đường phát triển của nhân loại viết thành bài văn ngắn đảm bảo các ý chính sau:

- Sách đã ghi chép cô đúc và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người đã tìm tòi, tích luỹ qua từng thời đại.

- Những cuốn sách có giá trị có thể xem là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại.

- Sách trở thành kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy nghìn năm nay.

- Vì ý nghĩa quan trọng của sách nên đọc sách là một con đờng tích luỹ nâng cao tri thức.

**Đề 3 :**

*Phân tích lời bàn của Chu Quang Tiềm về phương pháp đọc sách (bao gồm cách lựa chọn sách để đọc và cách đọc).*

**Gợi ý :** Học sinh đọc kỹ văn bản từ chỗ “Đọc sách không cốt lấy nhiều” cho đến hết. Suy nghĩ và phân tích theo các ý chính sau :

- Theo tác giả bài viết cần lựa chọn sách để đọc như thế nào, mối quan hệ giữa loại sách thông thường, loại sách ở lĩnh vực gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình và loại sách tài liệu cơ bản, chuyên sâu ra sao ?

- Lời bàn thật cụ thể của tác giả về cách đọc sách (thái độ, tinh thần, phương pháp khi đọc).

**Đề 4 :***Nhận xét về cách lập luận, trình bày của tác giả bài viết. Phát biểu thu hoạch của em về cách khẳng định, triển khai vấn đề nghị luận sau khi đọc – hiểu văn bản* ***Bàn về đọc sách*** *?( Dành cho HS Khá)*

**Gợi ý :**

HS viết thành bài văn đảm bảo được các ý chính sau :

- Nội dung lời bàn và cách trình bày vừa đạt lý vừa thấu tình

- Bố cục bài viết chặt chẽ, hợp lý.

- Sự kết hợp giữa lí lẽ, nhận định với kinh nghiệm, dẫn chứng thực tế.

- Giọng điệu của tác giả cùng cách viết giàu hình ảnh (đặc biệt là lối ví von thật cụ thể và thú vị).

=> Bài nghị luận có tính thuyết phục, sức hấp dẫn cao.

- Trình bày thu hoạch của mình về cách khẳng định, triển khai luận điểm trong một bài văn nghị luận (làm thế nào để luận điểm được nổi bật, được giải thích, chứng minh rõ ràng và giàu tính thuyết phục hấp dẫn).

\* Chấm chữa bài

**B. TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ:** (Nguyễn Đình Thi)

**1.Tác giả**: Nguyễn Đình Thi (1924- 2003), quê ở Hà Nội, hoạt động văn nghệ từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Không chỉ thành công ở thể loại kịch, thơ, âm nhạc, ông còn là một cây bút phê bình có tiếng.

Năm 1996 ông được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

**2.Tác phẩm**: Văn bản được viết năm 1948 – thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp.

**1.Nội dung:** Qua văn bản này tác giả đã phân tích một cách chân thành, say sưa, nhiệt huyết mối quan hệ mật thiết giữa văn nghệ và đời sống con người, đồng thời khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của văn nghệ trong việc bồi dưỡng, nâng cao, làm phong phú cho tâm hồn con người.

**2. Nghệ thuật**:

- Bố cục chặt chẽ, hợp lí, cách dẫn dắt tự nhiên.

- Có lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh, dẫn chứng phong phú, thuyết phục.

- Có giọng văn chân thành, say mê là tăng sức thuyết phục và tính hấp dẫn của văn bản.

**3. Hệ thống luận điểm :**

\* Bài văn có hệ thống luận điểm như sau:

+ Nội dung tiếng nói của văn nghệ : Cùng với thực tại khách quan là nhận thức mới mẻ, là tư tưởng, tình cảm của cá nhân nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm nghệ thuật lớn là một cách sống của tâm hồn, từ đó làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ.

**\* CÁC DẠNG ĐỀ:**

**Đề 1 :***Vì sao con người cần đến tiếng nói của văn nghệ ?( Dành cho HS Khá)*

**Gợi ý** : HS nêu sự cần thiết của văn nghệ đối với đời sống con người. Cụ thể :

- Văn nghệ giúp chúng ta được sống đầy đủ hơn, phong phú hơn với cuộc đời và với chính mình. “Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi, ánh sáng ấy bấy giờ biến thành của ta, và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, mọi con người ta gặp, làm cho ta thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”.

- Trong trường hợp con người bị ngăn cách với cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ càng là sợi dây buộc chặt họ với cuộc đời thường bên ngoài, với tất cả những sự sống, hoạt động, những vui buồn gần gũi.

- Văn nghệ góp phần làm tươi mát sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, giữ cho “đời cứ tươi”. Tác phẩm văn nghệ hay giúp cho con người vui lên, biết rung cảm và ước mơ trong cuộc đời còn lắm vất vả cực nhọc.

**Đề 2 :***Theo em nếu không có văn nghệ đời sống con người sẽ ra sao ?( Dành cho HS TB)*

**Gợi ý :**Thực chất đây là câu hỏi về tác dụng, ý nghĩa của văn nghệ đối với con người nhưng từ tình huống giả định “nếu không có văn nghệ ...”. Dựa vào tác dụng và ý nghĩa của văn nghệ đối với con người mà Nguyễn Đình Thi đã nêu để phân tích :

- Nhận thức, đời sống tinh thần của con người sẽ ra sao nếu không có văn nghệ ?

- Nếu không có văn nghệ thì mối quan hệ giữa con người với con người với cuộc sống sẽ ra sao ?

- Văn nghệ có tác dụng gì đối với đời sống sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, đối với tâm hồn cảm xúc của chúng ta ?

**Đề 3 :**

*Tóm tắt hệ thống luận điểm và nhận xét về bố cục của văn bản* ***Tiếng nói của văn nghệ*** *?( Dành cho HS TB)*

**Gợi ý** :

- Bài văn có hệ thống luận điểm như sau :

+ Nội dung tiếng nói của văn nghệ : Cùng với thực tại khách quan là nhận thức mới mẻ, là tư tưởng, tình cảm của cá nhân nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm nghệ thuật lớn là một cách sống của tâm hồn, từ đó làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ.

+ Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống con người, nhất là trong hoàn cảnh chiến đấu, sản xuất vô cùng gian khổ của dân tộc.

+ Văn nghệ có khả năng cảm hóa, sức mạnh lôi cuốn của nó thật là kỳ diệu, bởi đó là tiếng nói của tình cảm, tác động tới mỗi con người qua những rung cảm sâu xa tự trái tim.

- Bố cục chặt chẽ, hợp lí, dẫn dắt tự nhiên. Các luận điểm vừa có sự giải thích cho nhau vừa nối tiếp nhau một cách tự nhiên theo hướng càng lúc càng phân tích sâu sức mạnh đặc trưng của văn nghệ.

**\*BÀI TẬP :**

**Đề 1 :**

*Tác phẩm nghệ thuật đến với người đọc, người xem bằng cách nào mà có khả năng kỳ diệu đến như vây ?*

**Gợi ý :** Học sinh cần phân tích con đường văn nghệ đến với người đọc và khả năng kỳ diệu của nó. Cụ thể các ý chính sau :

- Sức mạnh riêng của văn nghệ bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với người đọc, người nghe.

- Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm. Tác phẩm văn nghệ chứa đựng tình yêu, ghét, nỗi vui, buồn của con người trong đời sống sinh động. Tư tưởng của nghệ thuật không khô khan, trìu tượng mà lắng sâu, thấm vào những cảm xúc. Từ đó tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc đi vào nhận thức, tâm hồn chúng ta qua con đường tình cảm ...

- Khi tác động bằng nội dung, cách thức đặc biệt ấy, văn nghệ góp phần giúp mọi người tự nhận thức mình, tự xây dựng mình. Như vậy văn nghệ thực hiện các chức năng của nó một cách tự nhiên, có hiệu quả lâu bền sâu sắc.

**Đề 2:**

*Em hãy phân tích nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ.*

**Gợi ý :** Học sinh viết thành bài văn đảm bảo các ý chính sau :

- Tác phẩm văn nghệ phản ánh đời sống thông qua cái nhìn của người nghệ sĩ. Văn nghệ tập trung khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con người, thế giới bên trong của con người. Nội dung tác phẩm văn nghệ còn là tư tưởng, tấm lòng của nghệ sĩ gửi gắm trong đó.

- Tác phẩm văn nghệ không cất lên những lời thuyết lí khô khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của nghệ sĩ. Nó mang đến cho chúng ta bao rung động, bao ngỡ ngàng trước những điều tưởng chừng rất quen thuộc.

Tóm lại, nội dung chủ yếu của văn nghệ là hiện thực mang tính cụ thể, sinh động, là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn và tình cảm có tính cá nhân của người nghệ sĩ.

**Đề 3:**

*Nêu một tác phẩm văn nghệ mà em yêu thích và phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm ấy đối với mình.*

**Gợi ý :** Đây là bài tập nhằm phát huy năng lực cảm thụ văn học, sở thích văn học của mỗi cá nhân, vì vậy không áp đặt tác phẩm văn nghệ cụ thể để học sinh tự lựa chọn ảnh, tranh, phim, truyện, thơ ... chỉ yêu cầu học sinh nêu được nội dung, phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm ấy đối với mình.

**NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm, yêu cầu, đối tượng của bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống:**

**-** Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

- Yêu cầu của bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống:

+ Về nội dung: cần phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề, phân tích các mặt đúng, sai, mặt lợi,mặt hại.

+ Về hình thức: có luận điểm có rõ ràng, luận cứ xác thực, bố cục mạch lạc ...

Đối tượng: Những sự việc, hiện tượng của

đời sống.

**2. Các bước làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống:**

*1. Tìm hiểu đề và tìm ý*

*2. Lập dàn bài:*

**- MB**: Giới thiệu sự việc, hiện tượng cần bàn luận.

**- TB:**

+ Biểu hiện thực tế, phân tích các mặt, nêu đánh giá, nhận định.

+ Nêu ý nghĩa của hiện tượng: Hiện tượng phản ánh điều gì ?

+ Giải thích nguyên nhân- hậu quả của hiện tượng ấy.

+ Đề xuất giải pháp, phương hướng khắc phục, cách ứng xử.

**- KB**: Kết luận, khẳng định, phủ định, lời khuyên..

*3. Viết bài:*

*4. Đọc và sửa lỗi.*

**3. Đề văn nghị nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống:**

**VD:**

- Nghị luận xã hội về vấn đề an toàn thực phẩm.

- Suy nghĩ về hiện tượng thiên nhiên, môi trường.

-Tình trạng nghiện trò chơi điện tử.

- Suy nghĩ về mạng FACEBOOK đối với đời sống con người.

- Hiện tượng gian lận trong thi cử.

- Tuổi trẻ học đường suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

**IV. LUYỆN TẬP:**

**Bài tập 1:**

**Đề bài:** Môi trường sống của con người đang ngày càng bị ô nhiễm nặng nề, đặc biệt là ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Em hãy bày tỏ hiểu biết của mình trong một bài văn nghị luận có độ dài 400/600 về vấn đề trên?

**I. Mở bài:**

Vấn đề môi trường sống của con người trên trái đất đã và đang bị ô nhiễm là một vấn đề cấp bách đối với bất kì quốc gia nào. Vì nó gây ra những hiện tượng biến đổi khí hậu dẫn đến những thảm hoạ thiên tai khủng khiếp. Ở Việt Nam sự ô nhiễm môi trường là báo động. Chúng ta cần nhận thức vấn đề này như thế nào? Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, và giải pháp để giải quyết vấn đề này thế nào, chúng ta hãy cùng bàn luận.

**II. Giải quyết vấn đề**

Môi trường sống của con người là một khái niệm rộng. Nó bao gồm tất cả các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến cuộc sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và mọi sinh vật trên trái đất. Môi trường có hai loại chính: đó là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.Môi trường tự nhiên: bao gồm các thành phần tự nhiên như địa hình, địa chất, đất trồng, khí hậu, nước, sinh vật,… Môi trường xã hội: là tổng thể các mối quan hệ giữa con người với con người, quan hệ cá nhân với cộng đồng thể hiện bằng luật pháp, thể chế, cam kết, quy định,…

***1. Hiện trạng môi trường sống của chúng ta***– Ô nhiễm nguồn không khí: các nhà máy đã và đang thải ra môi trường không khímột nguồn cacbonnic khổng lồ, các loại axit, các loại khí gây hiệu ứng nhà kính, khói bụi xe hơi và các loại động cơ khác,… đã ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và chất lượng cuộc sống của con người, nó gây ra nhiều bệnh về đường hô hấp,…

– Ô nhiễm nguồn nước: hiện nay thế giới và đặc biệt là Việt Nam đã bị ô nhiễm nguồn nước, nhu cầu về nước uống và nước sinh hoạt ở nhiều vùng miền đang bị thiếu nghiêm trọng, số lượng người được sử dụng nước sạch chiếm tỉ lệ không lớn. Các nguồn nước: ao, hồ, sông, suối, biển cả đại dương, nguồn nước ngầm, nước mưa,…

– Ô nhiễm nguồn đất: đất đai ngày càng bị thoái hoá, bị rửa trôi, rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt, rác thải bệnh viện,… đã và đang làm cho nguồn đất đai bị cạn kiệt, khô cằn….

– Ô nhiễm về ánh sáng, âm thanh tiếng ồn tại các đô thị lớn trong các dịp lễ tết của VN&TG thì sự quá tải về cường độ và loại ánh sáng… đã gây ra các bệnh lí về mắt: âm thanh của các loại động cơ quá lớn đặc biệt ở các đô thị lớn cũng ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng cuộc sống của con người.***2. Nguyên nhân – Hậu quả***

***a. Nguyên nhân***

**\*Khách quan:** – Tình trạng nóng lên của trái đất gây ra những biến động lớn về khí hậu toàn cầu dẫn đến các hiểm hoạ thiên tai ngày càng khủng khiếp: lũ lụt, động đất, sóng thần, hạn hán, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp…

– Tình trạng chặt phá rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, diện tích bao phủ bị giảm ngiêm trọng, nó gây ra biến đổi khí hậu: ví dụ bão lũ tại các tỉnh miền Trung Việt Nam tháng 10 năm 2009 gây ra những hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản quốc dân…

– Luật pháp chưa thực sự nghiêm minh, chưa đủ mạnh để ngăn chặn mọi sự vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường…

**\* Chủ quan:**

– Ý thức của con người không tôn trọng luật pháp bảo vệ môi trường.

– Vì lợi nhuận kinh tế trước mắt mà các công ti, nhà máy xí nghiệp đã bất chấp luật pháp thải ra môi trường, nước thải công nghiệp chưa qua xử lí, rác thải công nghiệp, rác thải y tế, rác thải sinh hoạt không phân huỷ được,…

– Nhận thức của con người về ô nhiễm môi trường còn rất hạn chế…

***b. Hậu quả***

– Ô nhiễm môi trường nước – sản xuất, sinh hoạt bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nhiều loại dịch bệnh xuất hiện…

– Ô nhiễm môi trường đất ảnh hưởng xấu đến cây trồng, vật nuôi và con người.

– Ô nhiễm môi trường không khí: gây ra rất nhiều lọai bệnh về đường hô hấp….

***3. Giải pháp***– Khắc phục những nguyên nhân trên (phân tích và dẫn chứng)– Nêu một số quốc gia, thành phố, các vùng miền trên thế giới và Việt Nam có môi trường xanh – sạch – đẹp để lấy làm mô hình áp dụng cho những nơi có môi trường ô nhiễm.

– Hệ thống pháp lí, chế tài nghiêm minh để xử phạt thích đáng cho các cá nhân và tổ chức vi phạm.

– Giáo dục ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

**III. Kết thúc vấn đề**

– Việt Nam – một nước đang phát triển, vấn đề ô nhiễm môi trường là 1 vấn đề hết sức cấp bách…

– Cần phải thực hiện các giải pháp trên một cách đồng bộ, thường xuyên để khắc phục những hậu quả của sự ô nhiễm môi trường, tạo ra mt sống trong lành cho con người,…Bài học cho mỗi người dân Việt Nam.

**Bài tập 2:**

**Đề bài: Suy nghĩ về hiện tượng gian lận trong thi cử.( dành cho HS TB)**

**I. Mở bài:**

– Trung thực là một đức tính cần phải có, quan trọng đối với tất cả mọi người

– Đối với học sinh thì đó là một đức tính càng quan trọng và phải được đặt lên hàng đầu.

– Tuy nhiên, ngày nay một bộ phận học sinh đang mất đi đức tính này trong học tập và thi cử.

– Sự trung thực trong học tập và thi cử của học sinh ngày nay là một vấn đề cần được bàn luận và nhìn nhận một cách nghiêm túc.

**II. Thân bài:**

– Trung thực trong học tập và thi cử mới có thể để học sinh nhìn nhận đúng năng lực, phản ánh đúng kết quả học tập của mình và có hướng phấn đấu thích hợp.

– Cùng với xu thế hội nhập và hiện đại hóa, học sinh ngày nay trở nên năng động, tự tin và có kiến thức rộng hơn, có điều kiện học tập tốt hơn.

– Tuy nhiên, mặt trái của nó, một số bộ phận học sinh, do thiếu sự quan tâm đúng mức của gia đình, do sự lôi cuốn của xã hội hiện đại đã trở nên xao lãng việc học tập và để đối phó với kiến thức hạn hẹp của mình ở nhà trường, họ phải gian lận trong học tập và thi cử.

– Gian lận trong học tập và thi cử là một việc làm không thể chấp nhận được, vấn đề sẽ như thế nào nếu một học sinh rời ghế nhà trường với một kiến thức hạn hẹp nhưng một kết quả cũng không đến nỗi tệ?

**III. Kết bài:**

– Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận.

– Xã hội và đặc biệt là ngành giáo dục cần có những biện pháp nghiêm túc hơn trong học tập và thi cử của học sinh, đánh giá đúng, chính xác năng lực của từng học sinh, luôn lấy câu "bác sĩ chữa sai thì chết một người, nhưng thầy cô giáo chữa sai thì chết một thế hệ" để giáo dục học sinh.

**Hoặc có thể lấy thêm dẫn chứng thêm như sau:**

Thi cử vốn là một khâu quan trọng trong giáo dục để đánh giá kiến thức cũng như năng lực của học sinh,tránh những trường hợp không hề hiếm trong xã hội ngày nay :"Ngồi nhầm lớp ","bằng cấp giả",…

 Gian lận trong thi cử xảy ra ở không ít bộ phận học sinh ,dù cho đó là những học sinh xuất sắc .Hậu quả đó là do tác động từ đâu mà có?Có thể là do bản tính ,cũng có thể là do những tác động từ bên ngoài –>mục đích là kiếm được điểm số cao,điểm phẩy tốt,…cũng có thể do áp lực nào khác…

 Tình trạng học sinh giỏi "ảo " có lẽ cũng xuất phát từ căn bệnh quá cũ của XH:"bệnh thành tích".

 "Xã hội ta nói chung lên án, phê phán tỷ lệ tốt nghiệp THPT là không đúng với thực chất trình độ học sinh. Song, mâu thuẫn lại nảy sinh chính ở yếu tố này. Mỗi gia đình đều mong muốn con em họ thi đỗ tốt nghiệp với số điểm cao nhất. Mỗi đơn vị trường học, ngành giáo dục – đào tạo cho đến cấp tỉnh hy vọng thí sinh trường mình, tỉnh mình đỗ tốt nghiệp với tỷ lệ cao nhất. "

Đặt vấn đề: Trước đây, chúng ta thường có tâm lý chủ quan nghĩ rằng bạo lực học đường là một vấn đề hết sức xa xôi, không xảy ra phổ biến. Đồng thời cũng vì thế mà không ý thức được sâu sắc về tầm ảnh hưởng, tác động, hậu quả nghiêm trọng của nó tới thế hệ trẻ nói riêng, con người nói chung. Song thời gian gần đây, bạo lực học đường đã có những chiều hướng gia tăng, phát triển phức tạp và trở thành một vấn đề nóng bỏng, một vấn nạn nhức nhối khiến mọi người không khỏi bàng hoàng, kinh ngạc. Phải chăng đó chính là một dự báo “sóng ngầm đang thành bão”. Đứng trước thực trạng đó mỗi chúng ta cần có nhận thức và hành động như thế nào?

**3. Bài tập 3:**

**Đề bài: suy nghĩ về vấn đề bạo lực học đường.**( dành cho HS Khá)

**1. Giải thích.**  
- Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.  
- Bạo lực học đường hiện nay có xu hướng gia tăng nhanh chóng, diễn ra ở nhiều nơi do đó đang trở thành một vấn nạn của xã hội.  
**2. Thực trạng.**a. Biểu hiện của hành động bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hinh thức như:  
+ Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.  
+ Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.  
b. Chứng minh:  
- Chỉ cần một thao tác rất nhanh trên google ta có thể tìm thấy hàng loạt các clip bạo lực của nữ sinh: Ở Phú Thọ, nữ sinh đánh bạn bằng giày cao gót; ở Hà Nội; Ở TPHCM, Nghệ An…  
- Học sinh có thái độ không đúng mực vs thầy cô giáo, dùng dao đâm chết bạn bè, thầy cô…  
- Lập nên các nhóm hội hoạt động đánh nhau có tổ chức.  
- Giáo viên đánh đập, xúc phạm tới nhân phẩm của học sinh…  
**3. Nguyên nhân**

- xảy ra vì những lí do trực tiếp rất không đâu: Nhìn đểu, nói móc, tranh giành người yêu, không cùng đẳng cấp...  
- Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, non nớt trong kĩ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống.  
- do ảnh hưởng từ môi trường văn hóa bạo lực: phim, ảnh, sách, báo, đồ chơi mang tính bạo lực (kiếm, súng...)

- sự giáo dục chưa đúng đắn, thiếu quan tâm của gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình cũng là một phần nhân tố ảnh hưởng không tốt. Và một khi bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại thì bạo lực học đường sẽ vẫn còn có nguy cơ gia tăng. (Ở đây để vấn đề thêm sâu sắc có thể liên hệ với hình ảnh cậu bé Phác trong “chiếc thuyền ngoài xa” – Nguyễn Minh Châu để vấn đề thêm sâu sắc.)  
- Sự giáo dục trong nhà trường: nặng về dạy kiến thức văn hóa, đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người “tiên học lễ hậu học văn”.  
- Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để.  
**4. Hậu quả**  
- Với nạn nhân:  
• Tổn thương về thể xác và tinh thần  
• Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại  
• Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.  
- Người gây ra bạo lực:  
• Con người phát triển không toàn diện: phát mất dần nhânàtriển ngược trở lại phía “con”, đi ngược lại tính “ người” tính.  
• Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.  
• Làm hỏng tương lại chính mình, gây nguy hại cho xã hội.  
• Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.  
**5. Giải pháp**.  
- Đối với những người gây ra bạo lực học đường: cố gắng mở rộng nâng cao nhận thức:  
• Giữ cho trái tim luôn ấm nóng tình yêu thương.  
• Địa ngục do ta mà có, thiên đường cũng do ý thức rõ ràng về hành động và hậu quả hành động do bản thânàchính ta tạo nên thực hiện  
• Nơi lạnh nhất ko phải là bắc cực mà là nơi Nhận thức rõ vai trò sức mạnh của tình người.àkhông có tình thương   
- Xã hội cần có những giải pháp đồng bộ, chặt chẽ giáo dục con người trong gia đình, nhà trường, trong toàn xã hội; coi trọng dạy kĩ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ.  
- Có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết làm gương cho người khác.  
**6. Mở rộng:** (phản đề)  
- “Không nên mất niềm tin vào con người. Nhân loại là cả một đại dương. Nếu một vài giọt nước trong đại dương ấy dơ bẩn thì cả đại dương cũng không vì thế mà trở thành dơ bẩn được.” (Mahatma Gandhi).  
-->Hiện tượng trên chỉ là một phần rất nhỏ của xã hội nên không phải vì thế mà chúng ta mất đi niềm tin vào con người vào thế hệ trẻ. Cần nhân rộng những tấm lòng cao cả, nêu gương người tốt việc tốt điển hình --> Hình thành thái độ đồng cảm, sẻ chia, yêu thương giúp con người nói chung, thế hệ trẻ nói riêng tiến tới những vẻ đẹp nhân cách Chân thiện mĩ, phát huy những truyền thống nhân ái, nhân đạo từ ngàn xưa trước khi chúng ta phải đối phó với căn bệnh vô cảm  
**7. Đưa ra bào học cho bản thân**: Có quan điểm nhận thức, hành động đúng đắn, hình thành những quan niệm sống tốt đẹp.

**KHỞI NGỮ, CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**A. Ôn tập: Khởi ngữ**

**1. Đặc điểm của khởi ngữ:**

+ Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.

+ Trước nó có thể thêm các từ: về, với, đối với, là

+ Sau nó có thể thêm trợ từ: thì

**2. Công dụng của khới ngữ:**

Nêu lên cái đề tài liên quan tới việc được nói trong câu chứa nó.

VD: - **Tôi** thì tôi xin chịu.

- **Hăng hái học tập**, đó là đức tính tốt của học sinh.

Ví dụ: *(* Về) giàu tôi cũng giàu rồi. (về) sang tôi cũng sang rồi.

(là)Một học sinh, tôi có trách nhiệm học tập tốt để đền đáp công ơn cha mẹ nuôi dưỡng, thầy cô dạy bảo.

**B. Ôn tập: Các thành phần biệt lập**

**1. Thành phần tình thái**

- Tình thái được dùng trong câu để thể hiện cách nhìn của người nói dối với sự việc được nói đến trong câu ...

- Nó không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.

Giáo viên cho học sinh nhận biết được

- Thành phần tình thái trong câu có những loại khác nhau và có những tác dụng khác nhau.

+ Những yếu tố tình thái gắn với độ tin cậy của sự việc được nói đến như: chắc chắn, chắc hẳn, hẳn là ... (độ tin cậy cao), hình như, cớ lẽ, có vẻ như ... (chỉ độ tin cậy thấp)

+ Những yếu tố tình thái gắn với ý kiến của người nói: ví dụ: theo tôi, ý ông ấy, theo anh ...

+ Những yếu tố tình thái chỉ thái độ của người nói đối với người nghe

à, a; hả, hử, nhé, nhỉ, đây, đấy (đứng cuối câu)

+ Còn 1 loại tình thái chỉ trạng thái

Ví dụ: Bỗng nhận ra hương ổi.

- Mời u xơi khoai đi ***ạ*** ! ( Ngô Tất Tố)

- ***Có lẽ*** văn nghệ rất kị “tri thức hóa” nữa. ( Nguyễn Đình Thi)

**2.Thành phần cảm thán**

-***Thành phần cảm thán*** là thành phần được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói (vui, buồn, mừng, giận…)

VD: + **Ôi** ! hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa xa vẫn thẳng hàng (Viễn Phương)

+ **Trời ơi,** sinh giặc làm chi

Để chồng tôi phải ra đi diệt thù (Ca dao)

- Dấu hiệu để nhận biết thành phần cảm thán:

+ Thường đứng đầu câu.

+ Tách với thành phần câu còn lại bằng dấu phẩy

+ Các từ ngữ đứng sau giải thích cho tâm lý được thể hiện ở thành phần cảm thán:

+ Có thể tách ra thành 1 câu riêng theo kiểu câu đặc biệt

- Thành phần tình thái, phần cảm thán là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên gọi là thành phần biệt lập

\*Giống: đều là thành phần biệt lập.

\*Khác: -TPTT dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu

-TPCT được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói

**3.Thành phần gọi – đáp**

Thành phần gọi đáp là:

+ thành phần biệt lập của câu

+dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

VD: + ***Vâng***, mời bác và cô lên chơi (Nguyễn Thành Long)

+ ***Này***, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn…mà ăn mừng đấy !

**4.Thành phần phụ chú**

Thành phần phụ chú là:

+ thành phần biệt lập của câu

+dùng để bổ sung 1 số chi tiết cho nội dung chính của câu (chú thích cho 1 cụm từ nào đó hoặc chú thích thái độ, tình cảm của t/g, người nói hoặc bổ sung thêm 1 số chi tiết)

+cấu tạo: là 1 từ, 1 cụm từ, 1 cụm c-v

+đặt giữa 2 dấu phẩy, 2 dấu gạch ngang hoặc giữa 1 dấu gạch ngang với 1 dấu phẩy, hoặc hai dấu ngoặc đơn, hoặc sau dấu 2 chấm.

VD: + Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm ( Nam Cao)

+ Lác đác hãy còn những thửa ruộng lúa con gái xanh đen, lá to bản, mũi nhọn như lưới lê – **con gái núi rừng có khác**. (Trần Đăng)

**C. Hướng dẫn HS làm bài tập**

**1, Trong hai câu sau, câu nào có thành phần khởi ngữ?**

* Tôi đọc ***quyển sách nà****y* rồi. (bổ ngữ).
* ***Quyển sách này*** tôi đọc rồi.( khởi ngữ).( về, đối với...)

hoặc **Quyển sách này** tôi ***đọc*** *nó* rồi.

**2. Tìm khởi ngữ trong các câu và các đoạn trích sau đây :**

a)Mà ***đối với y***, y không muốn chịu của chị Oanh một tí gì gọi là tử tế.

b. Vịt thì còn hai con

c. Tôi thì tôi xin chịu

**3, Viết đoạn văn có thành phần khởi ngữ.**

- Bạn Nam chơi bóng bàn rất giỏi bóng bàn, ***Học***, bạn ấy luôn luôn nhất lớp.

- Còn chị, chị công tác ở đây à?

**4, Chuyển các câu sau đây thành các câu có thành phần khởi ngữ.**

a) Người ta sợ cái uy quyền thế của quan, Người ta sợ cái uy đồng tiền của Nghị Lại.

b) Ông giáo ấy không hút thuốc, không uống rượu.

c) Tôi cứ ở nhà tôi, làm việc tôi.

d) Bà ấy có hàng dãy nhà ở các phố. Bà ấy có hàng 100 mẫu ruộng ở nhà quê.

e, Bạn ấy học rất giỏi toán.

g. Tôi đọc quyển sách này rồi

h. Tôi thấy nó có lỗi về việc này

i. Bạn Nam chơi bóng bàn rất giỏi

**Đáp án**

a,*(****Quan***, người ta sợ cái uy của quyền thế, ***Nghị lại***, người ta sợ cái uy của đồng tiền.

b, ***Thuốc***, ông giáo ấy không hút, ***rượu***, ông giáo ấy không hút.

c) ( ***Nhà tôi*** , tôi cứ ở, ***việc tôi***, tôi cừ làm).

d) ( ***Nhà***, bà ấy có hàng dãy ở khắp các phố. ***Ruộng***, bà ấy có hàng 100 mẫu ở nhà quê.

e, Về toán thì bạn ấy học rất giỏi.

g. Quyển sách này, tôi đọc rồi

h. Tôi thấy nó có lỗi về việc này

Về việc này thì tôi thấy nó có lỗi

i.Về bóng bàn thì Bạn Nam chơi rất giỏi

**5 : Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng câu có khởi ngữ. Gạch dưới thành phần khởi ngữ trong đoạn văn đó.**

**Tham khảo:** Giờ đây, giữa khoảng sân đầy nắng này, tôi bâng khuâng tự hỏi: “Rồi đây, khi chia xa mái trường này liệu ai còn nhớ, còn tìm về để rồi bồi hồi, xao xuyến, bâng khuâng?”. Có lẽ rồi khi chia xa, có người sẽ quên đi những kỷ niệm đẹp đẽ nơi đây để lo toan, bộn bề trong những kỳ thi sắp tới. **Còn tôi,** tôi vẫn nhớ, vẫn yêu khoảng trời này. Ở nơi ấy có bảng đen, phấn trắng, có thầy cô, có bạn bè. **Nơi ấy,** nơi đã chôn dấu bao kỷ niệm của tuổi học trò. Có những nụ cười trong trẻo như nắng mai, có những giọt nước mắt lăn dài nhưng tất cả những buồn vui giận hờn ấy sẽ hóa thành kỷ niệm, thành nỗi nhớ niềm thương. **Với tôi,** mái trường cấp 2 này sẽ là nơi tôi lưu giữu một mảnh tâm hồn. Nhìn lại góc sân, nhìn lại những dấu yêu bốn năm gắn bó, chỉ vài tháng nữa thôi, nó sẽ chỉ còn là ký ức nên ta hãy sống hết mình, học tập hết mình và yêu thương trọn vẹn để khi chia xa không tiếc nuối, không muộn phiền.

6, **Tìm khởi ngữ trong các đoạn trích sau :**

**a)** Đọc sách, phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ.

**b**) Kiến thức phổ thông, không chỉ những công dân thế giới hiện đại tại cần mà cả những nhà học giả chuyên môm cũng không thể thiếu nó được.

**c**) Trang phục không có pháp luật nào can thiệp, nhưng có những quy tắc ngầm phải tuân theo,. đó là văn hoá xã hội. Đi đám cưới không thể lôi thôi lếch thếch, mặt nhọ nhem, chân tay lấm bùn. Đi dự đám tang không được mặc áo quần loè loẹt, nói cười oang oang*.*

( Băng Sơn, *Trang phục*)

**7, Trong trường hợp sau đây khởi ngữ có tác dụng gì ?**

Tôi đi đến đâu người ta cũng thương, Còn nó, nó đi đến đâu người ta cũng ghét tuy không nói ra

\* BT các thành phần biệt lập:

**Bài tập 1:**

Xác định các thành phần biệt lập trong các câu sau. Cho biết tên gọi của các thành phần biệt lập đó.

a. Sương chùng chình qua ngõ *-* Hình như thu đã về.

b. Trời cao xanh ngắt, ô kìa! *-* Hai con hạc trắng bay về bồng lai.

c. Bác ơi, tim Bác mênh mông thế *-* Ôm cả non sông mọi kiếp người.

d. Cô bé nhà bên ( ai có ngờ) *-* Cũng vào du kích

e. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó.

g) Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều. *(Kim Lân, Làng)*

h) Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hạn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. *(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)*

**Bài tập 2:**

Xác định thành phần phụ chú, thành phần khởi ngữ trong các ví dụ sau:

a) Thế rồi bỗng một hụm, chắc rằng hai cậu bàn cói mói, hai cậu chợt nghĩ kế rủ Oanh chung tiền mở cỏi trường (Nam Cao)

b) Lan - bạn thân của tôi - học giỏi nhất lớp

c) Nhìn cảnh ấy mọi người đều chảy nước mắt, còn tôi, tôi cảm thấy như có ai đang bóp nghẹt tim tôi. *(Nguyễn Quang Sáng - Chiếc lược ngà)*

d ) Kẹo đây, con lấy mà chia cho em.

**Bài tập 3:**

Tìm thành phần gọi – đáp trong câu ca dao sau và cho biết lời gọi – đáp đó hướng đến ai.

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn.

**Bài tập 4:**

Nêu công dụng của thành phần tình thái trong câu. Xác định thành phần tình thái trong các câu sau:

a) Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cả bọn ở làng lại đốn đến thế được.*(Kim Lân - Làng)*

1. "Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi." *(Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng)*

**Bài tập 5:**

a) Chỉ ra thành phần biệt lập trong câu sau và giải thích phần ý nghĩa mà nó đem lại cho câu chứa nó.

b)"Cũng may mà bằng mấy nét vẽ, họa sĩ ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên" *(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)*

**Bài tập 6:** Viết hai câu (một câu có thành phần tình thái, một câu có thành phần cảm thán). Từ đó, hãy chỉ ra sự giống nhau và  khác nhau giữa thành phần tình thái và thành phần cảm thán?

- GV yêu cầu học sinh làm bái tập

- HS làm bài tập . Chấm chữa bài

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ**

**1,Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí?**

**+ Nghị luận** về một vấn đề tư­ tưởng, đạo lí là bàn về vấn đề thuộc lĩnh vực tư­ tưởng, đạo đức, lối sống… của con ng­ười.

**+ Yêu cầu** của bài văn nghị luận đề tư tưởng, đạo lý:

+ **Về nội dung**: Làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lý bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích, ... để chỉ ra chỗ đúng (hay chỗ sai) của một tư tưởng nào đó nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

+ **Về hình thức**: bài văn phải có bố cục 3 phần rõ ràng, luận điểm đúng đắn, lập luận chặt chẽ, mạch lạc, lời văn rõ ràng, sinh động.

- nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống, ... có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống của con người.

**- Đối tượng**: những vấn đề quan điểm, tư tưởng gắn liền với chuẩn mực đạo đức xã hội.

- **Các bước:**

*1. Tìm hiểu đề và tìm ý*

*2. Lập dàn bài*:

- **MB**: Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.

- **TB:** + Giải thích, nêu vấn đề cần bàn luận.

+ Bàn luận: ý nghĩa, mặt đúng, mặt sai, mặt tiêu cực, mặt sai cần bổ sung.

+ Bài học nhận thức và hành động: Nên suy nghĩ, hành động ra sao

- **KB**: Kết luận, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.

*3.* *Viết bài:*

*4. Đọc và sửa lại:*

**II. Điểm giống và khác nhau giữa nghị luận sự việc, hiện tượng đời sống với nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí:**

- Giống nhau: đều là hình thức nghị luận.

- Khác nhau: ở đề bài và cách thức bình luận.

+ Nghị luận sự việc, hiện tượng đời sống lấy sự việc hiện tượng làm đối tượng chính; trong khi nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí làm đối tượng chính.

+ Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống đi từ sự việc, hiện tượng cụ thể mà nâng lên thành vấn đề tư tưởng đạo đức; còn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí thì vấn đề tư tưởng, đạo đức mà suy nghĩ về cuộc sống xã hội.

**III. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư­ t­ưởng, đạo lí.**

- Đạo lí “Uống n­ước nhớ nguồn.

- Bàn về tranh giành và nh­ường nhịn

- đức tính khiêm nh­ờng

- Có chí thì nên

- Đức tính trung thực

- Tinh thần tự học.

- Hút thuốc lá có hại.

- Lòng biết ơn thầy, cô giáo.

- Suy nghĩ từ câu ca dao “Công cha nh­ư núi Thái Sơn- Nghĩa mẹ như­ n­ước trong nguồn chảy ra.”

**IV. Tìm hiểu đề- Tìm ý.(Ví dụ Suy nghĩ về đạo lí “Uống n­ớc nhớ nguồn”)**

-Tính chất của đề Nghị luận về một vấn đề t­ư tưởng, đạo lí.

-Yêu cầu về nội dung: Nêu suy nghĩ về câu tục ngữ Uống nư­ớc nhớ nguồn.

-Tri thức cần có:

+ Hiểu biết về vấn đề cần nghị luận.

+ Vận dụng các tri thức về đời sống.

- Tìm ý : Tìm nghĩa câu tục ngữ bằng cách giải thích nghĩa đenvà nghĩa bóng của nó. Nội dung của câu tục ngữ thể hiện truyền thống đạo lí gì của ng­ời Việt ? Ngày nay đạo lí ấy có nghĩa nh­ thế nào ?

**V, Lập dàn ý chung của bài nghị luận.**

**\*Mở bài**.

- Giới thiệu vấn đề t­ư tưởng đạo lí cần bàn luận.

**\* Thân bài**

- Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề tư tưởng đạo lí đó trong bối cảnh cuộc sống riêng, chung.

**\*Kết bài :** Kết luận, tổng kết, nêu nhận thức mới tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động

- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của con người.

- Yêu cầu về nội dung của bài nghị luận là phải làm sáng tỏ các vấn đề , tư tưởng, đạo lý bằng cách: Giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích ... để chỉ ra chỗ đúng (hay chỗ sai) của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

- Về hình thức: Bài viết phải có bố cục ba phần:

\* Mở bài: Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lý cần bàn luận.

\* Thân bài:

+ Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề tư tưởng, đạo lý.

+ Nhận định, đánh giá vấn đề tư tưởng, đạo lý đó trong bối cảnh của cuộc sống riêng, chung.

\* Kết bài: Kết luận, tổng kết, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.

Trong bài văn nghị luận cần có luận điểm đúng đắn sáng tỏ, lời văn chính xác, sinh động.

**\* CÁC DẠNG ĐỀ**

***Đề bài:*** *Suy nghĩ về đạo lí " Uống nước nhớ nguồn"*

***- Chia nhóm theo tổ - 4 nhóm, thi làm nhanh- yêu cầu: Lập dàn ý đại cương cho đề bài trên.***

***- Cử đại diện nhóm trình bày ý kiến.***

***- Nhóm khác bổ sung, GV tổng hợp ý, nhận xét, kết luận.***

GỢI Ý :

*A. Mở bài:*

Trong kho tàng tục ngữ Việt Nam có nhiều câu tục ngữ sâu sắc thể hiện truyền thống đạo lí của người Việt. Một trong những câu đó là câu " Uống nước nhớ nguồn". Câu thành ngữ nói lên lòng biết ơn đối với những người đã làm nên thành quả cho con người hưởng thụ.

*B. Thân bài:*

- Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ:

+ Nghĩa đen:

Nước là sự vật có trong tự nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống.

Nguồn là nơi nước bắt đầu chảy.

Uống nước là tận dụng môi trường tự nhiên để tông tại và phát triển.

+ Nghĩa bóng:

Nước là thành quả vật chất và tinh thần mang tính lịch sử của cộng đồng dân tộc.

Uống nước là hưởng thụ cái thành quả của dân tộc

Nguồn là những người đi trước đã có công sáng tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc.

Nhớ nguồn: là lòn biết ơn cho ông. bà, tổ tiên của dân tộc.

- Nhận định đánh giá:

+ Đối với những người được giáo dục chu đáo có biểu hiện sâu sắc và có lòng tự trọng thì luôn có ý thức trân trọng, giữ gìn phát huy những thành quả đã có của quê hương.

+ Đối với những kẻ kém hiểu biết thì nảy sinh tư tưởng sùng ngoại, thái độ coi thường, chê bai thành quả dân tộc.

+ Ngày nay khi được thừa hưởng những thành quả tốt đẹp của dân tộc mỗi chúng ta không chỉ khắc sâu thêm lòng biết ơn tổ tiên mà còn phải có trách nhiệm nỗ lực học tập và lao động tốt hơn để góp phần công sức nhỏ bé của mình vào kho tàng di sản dân tộc.

*C. Kết bài:*

Hiểu được ý nghĩa sâu xa của câu tục ngữ chúng ta hãy tự xem xét và điều chỉnh suy nghĩ, hành động của mình. Nghĩa là mỗi chúng ta không chỉ có quyền được hưởng thụ mà còn phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình cho đất nước.

**\*Dạng đề 1 .**

**Đề 1**: *Viết một đoạn văn ngắn (15 đến 20 dòng) Trình bày suy nghĩ của em về đức tính trung thực.(* ***Dành cho HS TB)***

**Gợi ý:**

**a.Mở đoạn.**

Giới thiệu chung về đức tính trung thực.

**b.Thân đoạn.**

* Trình bày được khái niệm về đức tính trung thực.
* Biểu hiện của tính trung thực.
* Vai trò của tính trung thực trong cuộc sống

+ Tạo niềm tin với mọi người

+ Được mọi người yêu quý.

+ Góp phần xây dựng, hoàn thiện nhân cách con người trong xã hội.

- Tính trung thực đối với học sinh ( Học thật, thi thật)

**c. Kết đoạn.**

- Sự cần thiết phải sống và rèn luyện đức tính trung thực.

**Đề 2:** *Viết một đoạn văn ngắn về việc thể hiện lòng biết ơn đối với thầy cô giáo trong xã hội hiện nay.*

***Gợi ý:***

1. **Mở đoạn.**

Giới thiệu chung về việc thể hiện lòng biết ơn của học sinh đối với thầy cô giáo hiện nay.

1. **Thân đoạn.**

- Cách thể hiện lòng biết ơn:

+ Làm và thực hiện tốt những điều thầy cô dạy bảo.

+ Chăm chỉ học tập rèn luyện.

+ Kính trọng lễ phép với thầy cô giáo.

+..........

- Phê phán những biểu hiện: Vô lễ không tôn trọng thầy cô giáo.....

1. **Kết đoạn.**

Khẳng định vai trò của thầy cô giáo đối với mỗi người.

\***Dạng đề 2**

**Đề 1:**

*Bầu ơi thương lấy bí cùng*

*Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn*

Em hiểu như thế nào về lời khuyên trong câu ca dao trên? Hãy chứng minh rằng: Truyền thống đạo lý đó vẫn được coi trọng trong xã hội ngày nay**.**

***Dàn bài.***

**a. Mở bài**.

- Giới thiệu chung về truyền thống thương yêu, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của dân tộc Việt Nam.

- Trích dẫn câu ca dao.

**b**. **Thân bài**.

\* Hiểu câu ca dao như thế nào?

- Bầu bí là hai thứ cây khác giống nhưng cùng loài, thường được trồng cho leo chung giàn nên cùng điều kiện sống.

- Bầu bí được nhân hoá trở thành ẩn dụ để nói về con người cùng chung làng xóm, quê hương, đất nước.

- Lời bí nói với bầu ẩn chứa ý khuyên con người phải yêu thương đoàn kết dù khác nhau về tính cách, điều kiện riêng.

\* Vì sao phải yêu thương đoàn kết?

- Yêu thương đoàn kết sẽ giúp cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Người được giúp đỡ sẽ vượt qua khó khăn, tạo lập và ổn định cuộc sống.

+ Người giúp đỡ thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn, gắn bó với xã hội, với cộng đồng hơn.

+ Xã hội bớt người khó khăn.

- Yêu thương giúp đỡ nhau là đạo lý, truyền thống của dân tộc ta.

\* Thực hiện đạo lý đó như thế nào?

- Tự nguyện, chân thành.

- Kịp thời, không cứ ít nhiều tuỳ hoàn cảnh.

- Quan tâm giúp đỡ người khác về vật chất, tinh thần.

\* Chứng minh đạo lý đó đang được phát huy.

- Các phong trào nhân đạo.

- Toàn dân tham gia nhiệt tình, trở thành nếp sống tự nhiên.

- Kết quả phong trào.

**c.** **Kết bài.**

- Khẳng định tính đúng đắn của câu ca dao.

**Đề2.**

*Anh em như thể chân tay*

*Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần.*

Suy nghĩ của em về lời khuyên trong câu ca dao trên?

**Gợi ý *dàn bài.***

**a. Mở bài.**

- Giới thiệu chung về nét đẹp tình cảm gia đình của dân tộc Việt Nam.

- Trích dẫn câu ca dao.

**b**. **Thân bài**.

\* Giải thích ý nghĩa của câu ca dao.

- Hình ảnh so sánh: Anh em như thể chân tay.

+ Tay - Chân: Hai bộ phận trên cơ thể con người có quan hệ khăng khít, hỗ trợ cho nhau trong mọi hoạt động.

+ So sánh cho thấy mối quan hệ gắn bó anh em.

- Rách, lành là hình ảnh tượng trưng cho nghèo khó, bất hạnh và thuận lợi, đầy đủ.

Từ đó câu ca dao khuyên: Giữ gìn tình anh em thắm thiết dù hoàn cảnh sống thay đổi.

\* Vì sao phải giữ gìn tình anh em?

- Anh em cùng cha mẹ sinh ra dễ dàng thông cảm giúp đỡ nhau.

- Anh em hoà thuận làm cha mẹ vui.

- Đó là tình cảm nhưng cũng là đạo lý.

- Là trách nhiệm, bổn phận của mỗi con người.

- Là truyền thống dân tộc.

\* Làm thế nào để giữ được tình cảm anh em?

- Quan tâm đến nhau từ lúc còn nhỏ cho đến khi đã lớn.

- Quan tâm giúp đỡ nhau về mọi mặt: Vật chất, tinh thần.

- Giữ hoà khí khi xảy ra xung khắc, bất đồng.

- Nghiêm khắc nhưng vị tha khi anh, chị em mắc sai lầm.

**c**. **Kết bài.**

- Khẳng định tính đúng đắn của câu ca dao.